

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2017/DS-ST

Ngày: 17/02/2017

V/v: “*Tranh chấp hợp
đồng thế chấp QSDĐ*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: ông Trần Đình Minh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Cường – Cán bộ hưu trí thị trấn Đắc Mil

2. Bà Lê Thị Thu Hoài – Phó Chủ tịch Hội LHPNVN huyện Đắc Mil

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Dung – Cán bộ

Toà án nhân dân huyện Đắc Mil.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thanh – Chức vụ:
Kiểm sát viên.*

Hôm nay, ngày 17 tháng 02 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắc Mil, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2015 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2016/QĐXX- DS ngày 12 tháng 12 năm 2016 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bùi Hoàng A – sinh năm 1988 (vắng mặt)

HKTT: Thôn Bình Thuận, xã Đức Minh, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

Hiện trú tại: 118/2 đường T, phường T, quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Hàn L
– Luật sư văn phòng luật sư H thuộc đoàn luật sư tỉnh Đắc Lắc.(có mặt)*

Bị đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: số 02 đường Láng Hạ, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội

*Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Công Q – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắc Nông.*

Địa chỉ: Đường 23/3 Thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắc Nông.

*Người được ông Phan Công Q ủy quyền lại: Ông Phạm Văn T - Chức vụ:
Giám đốc phòng giao dịch Đ. (vắng mặt)*

Địa chỉ: Ngã ba đường mới, xã Đ, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Bùi Xuân N – sinh năm 1960 (vắng mặt)

- Bà Ngô Thị Lệ N – sinh năm 1961 (vắng mặt)

- Anh Bùi Quốc H – sinh năm 1990 (vắng mặt)

- Chị Bùi Nữ Thùy H- sinh năm 1994 (vắng mặt)
HKTT: Thôn Bình Thuận, xã Đức Minh, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.
Hiện trú tại: 118/2 đường T, phường T, quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.
- Chị Bùi Thị Thúy H – sinh năm 1985 (vắng mặt)
HKTT: 66/1 ấp T, xã T, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.
Hiện trú tại: 118/2 đường T, phường T, quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.
- *Đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Xuân N, bà Ngô Thị Lệ N:* Bà Trần Thị Mai S, sinh năm 1989 (có mặt)
Trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông
- *Đại diện theo ủy quyền của anh Bùi Quốc H, chị Bùi Thị Thùy H:* Anh Bùi Hoàng A (vắng mặt)
HKTT: Thôn B, xã Đức Minh, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.
Hiện trú tại: 118/2 đường T, phường T, quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

NHẬN THẤY:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn Bùi Hoàng A và những Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bùi Thị Thúy H, Bùi Quốc H, Bùi Nữ Thùy H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì:

Ngày 24/4/2009 giữa Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam chi nhánh tỉnh Đăk Nông, phòng giao dịch Đ với ông Bùi Xuân N và bà Ngô Thị Lệ N (là bố mẹ đẻ anh A) có ký hợp đồng thế chấp tài sản số 240261032/TC để vay số tiền 300.000.000 đồng. Tài sản thế là quyền sử dụng đất các thửa đất số số 415; 18; 10a; 348; 542a; 543; 56; 75 thuộc tờ bản đồ số 02, 05, 12 và 24, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0497188 do Ủy ban nhân dân huyện Đăk Mil cấp ngày 19/10/1994 cho Hộ gia đình ông Nguyễn Xuân N để đảm bảo cho số tiền vay trên. Đồng thời, ngày 04/5/2010 giữa hai bên ký thêm phức lục hợp đồng số 5300LAV201003264/HĐTD. Khi ông N, bà N khi ký hợp đồng thế chấp, anh A vào thời điểm đó đã trên 15 tuổi nhưng không biết, không được hỏi ý kiến, không có văn bản ủy quyền ký hợp đồng thế chấp. Vì vậy anh yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng thế chấp số 240261032 ngày 24/4/2008 và phức lục hợp đồng thế chấp kèm theo hợp đồng thế chấp, đồng thời yêu cầu bên Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0497188 do Ủy ban nhân dân huyện Đăk Mil cấp ngày 19/10/1994 cho hộ ông Nguyễn Xuân N và gia đình anh A đồng ý trả toàn bộ nợ gốc và lãi vay cho ngân hàng. Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan cũng có ý kiến trình bày và yêu cầu như anh A.

Theo lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Phạm Văn Thành, giám đốc phòng giao dịch Đức Minh thì:

Năm 2009 ông Bùi Xuân N và bà Ngô Thị Lệ N có nhu cầu vay vốn để kinh doanh xăng dầu. Do đó, Ngân hàng NN và PTNTVN, chi nhánh tỉnh Đăk Nông, phòng giao dịch Đ và ông Bùi Xuân N, bà Ngô Thị Lệ N đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số 240261032/TC ngày 24/4/2009 và phức lục hợp đồng số

5300LAV201003264/HĐTD ngày 04/5/2010. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất các thửa đất số số 415; 18; 10a; 348; 542a; 543; 56; 75 thuộc tờ bản đồ số 02, 05, 12 và 24, để đảm bảo cho khoản tiền vay 300.000.000đ. Hợp đồng thế chấp có chữ ký của ông Bùi Xuân N và bà Ngô Thị Lệ N được Ủy ban nhân xã Đ chứng thực, không có văn bản ủy quyền của các thành viên đủ 15 tuổi trong hộ gia đình. Ngân hàng đã làm đúng trình tự quy định và ông N bà N đã được giải ngân. Đến thời hạn thanh toán nợ nhưng ông N và bà N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã xử lý tài sản thế chấp thông qua hợp đồng bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Việc bán đấu giá tài sản mới chỉ thực hiện trên hợp đồng bán đấu giá. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, vì ngân hàng không tự xuất tài sản được mà cần chờ quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Theo lời trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Bùi Xuân N và bà Ngô Thị Lệ N trong quá trình giải quyết vụ án thì:

Ông N, bà N trình bày như nguyên đơn về hợp đồng vay và tài sản thế chấp, khi làm thủ tục vay vốn thì ông bà có ký hợp đồng thế chấp các con ông bà đã trên 15 tuổi không ký vì ông bà không hiểu quy định pháp luật, Ngân hàng hướng dẫn ai ký thì ông bà làm theo như vậy. Đối với yêu cầu khởi kiện của con là Bùi Hoàng A thì ông bà yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật. Đối với phần tài sản của ông bà trong khối tài sản chung đang thế chấp tại ngân hàng, ông bà vẫn đồng ý để bảo đảm cho khoản tiền vay. Nay nguyện vọng của ông bà là được tất toán khoản nợ gốc còn lại là 1.100.000đ và khoảng 250.000.000đ tiền lãi. Ông bà đã nhiều lần đến Ngân hàng đề nghị được trả nợ nhưng ngân hàng không giải quyết.

Theo lời trình bày Công ty bán đấu giá K (đại diện theo pháp luật, ông Nguyễn Chính T) thì: Do tài sản bán đấu giá của Ngân hàng NN và PTNT Đắk Nông, phòng giao dịch Đ giao cho chi nhánh công ty TNHH Đấu Giá K bán đấu giá chưa thành công, do đó quyền quyết định trực tiếp vẫn do Ngân hàng nắm giữ. Công ty bán đấu giá K không có ý kiến gì về tài sản này cũng như không có yêu cầu khởi kiện phát sinh về quyền lợi liên quan.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn và người ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên quan điểm của mình; đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 25, Điều 33, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 2 Điều 109, điểm b khoản 1 Điều 122, Điều 127, Điều 137 và Điều 715 Bộ luật dân sự 2005; Điều 113 Luật đất đai năm 2003, Điều 146 Nghị định số 181/NĐ-CP ngày 29/10/2004. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh

án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Bùi Hoàng A. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 240261032/TC ngày 24/4/2009 và phụ hợp đồng thế chấp số 5300LAV201003264/HĐTD ngày 04/5/2010 vô hiệu. Bị đơn hoàn trả lại quyền sử dụng đất số D0497188 do Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil cấp ngày 19/10/1994.

Buộc bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Xử lý tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn, người được ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Hồng A, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Ngô Thị Hồng A lần thứ hai những vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà Anh theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Nguồn gốc đối với các thửa đất số số 415; 18; 10a; 348; 542a; 543; 56; 75 thuộc tờ bản đồ số 02, 05, 12 và 24 là do ông Bùi Xuân N và bà Ngô Thị Lệ N khai hoang. Năm 1994 ông Niệm kê khai để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất D0497188 do Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil cấp ngày 19/10/1994 mang tên hộ Bùi Xuân Niệm. Như vậy, nguồn gốc tài sản là do ông N khai hoang tạo lập nhưng tài thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông đã đồng ý kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, đây là quyền định đoạt của ông N không trái quy định pháp luật. Như vậy quyền sử dụng đất D0497188 là tài sản chung của hộ gia đình theo Điều 108 Bộ luật dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, qua kết quả xác minh thì năm 1994 (không xác định được ngày tháng) ông Bùi Xuân N, bà Ngô Thị Lệ N, chị Bùi Thị Thúy H, anh Bùi Hoàng A, Bùi Quốc H, Bùi Nữ Thùy H là nhân khẩu trong hộ ông Bùi Xuân N. Năm 2005 đổi sổ hộ khẩu, những người trên vẫn là nhân khẩu trong hộ ông Bùi Xuân N. Đến tháng 6/2012, chị Hằng mới tách khẩu chuyển đến Tân Thới, Hóc Môn. Như vậy tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 1994) và thời điểm ký hợp đồng thế chấp số 240261032 ngày 24/4/2009 và phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 04/5/2010 thì chị H, anh Hoàng A, anh H và chị H đang là thành viên của hộ gia đình ông Bùi Xuân N, đã đủ trên 15 tuổi. Vì vậy việc ông N, bà N thế chấp quyền sử dụng đất số D0497188 mà không có sự đồng ý của chị H,

anh A, anh H, chị H, những người này không ký để thể hiện ý chí đồng ý thế chấp tài sản của hộ gia đình, không có văn bản ủy quyền cho ông N, bà N ký hợp đồng thế chấp là vi phạm Điều 109 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 146 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP, ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2003 cụ thể:

Điều 109 Bộ luật dân sự quy định: Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung của hộ gia đình

1. Các thành viên của hộ gia đình chiếm hữu và sử dụng tài sản chung của hộ theo phương thức thỏa thuận.

2. Việc định đoạt tài sản là tư liệu sản xuất, tài sản chung có giá trị lớn của hộ gia đình phải được các thành viên từ đủ mười lăm tuổi trở lên đồng ý; đối với các loại tài sản chung khác phải được đa số thành viên từ đủ mười lăm tuổi trở lên đồng ý.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 146 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP, ngày 22/6/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2003 quy định:

2. Hợp đồng chuyển đổi, chuyển nhượng, thuê, thuê lại quyền sử dụng đất, hợp đồng hoặc văn bản tặng cho quyền sử dụng đất, hợp đồng thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng chung của hộ gia đình phải được tất cả các thành viên có đủ năng lực hành vi dân sự trong hộ gia đình đó thống nhất và ký tên hoặc có văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật dân sự.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự đều xác định: khi ký hợp đồng thế chấp tài sản số 240261032/TC, ngày 24/4/2009 và phục lục hợp đồng 5300LAV201003264/HĐTD, ngày 04/5/2010 thì các con của bà Nga ông Niệm không có văn bản ủy quyền cho ông bà dùng tài sản của hộ gia đình thế chấp để đảm bảo số tiền vay 300.000.000 đồng. Vì vậy, nội dung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số D0497188 vào ngày 24/4/2009 và ngày 04/5/2010 chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật nên vô hiệu theo quy định tại Điều 128, Điều 135 Bộ luật dân sự năm 2005.

Quá trình giải quyết vụ án, ông N, bà N vẫn đồng ý dùng phần tài sản của mình trong khối tài sản chung để đảm bảo cho việc thanh toán nợ, tuy nhiên các thành viên trong hộ gia đình ông Bùi Xuân N không thỏa thuận được với nhau về việc phân chia khối tài sản chung trong hộ gia đình đối với các thửa đất số số 415; 18; 10a; 348; 542a; 543; 56; 75 thuộc tờ bản đồ số 02, 05, 12 và 24, để xác định phần tài sản của các thành viên. Do đó, không có căn cứ để tuyên vô hiệu một phần nội dung thế chấp quyền sử dụng trong khối tài sản chung của hộ gia đình. Cần tuyên vô hiệu toàn bộ nội dung hợp đồng thế chấp tài sản số 240261032/TC, ngày 24/4/2009 và phục lục hợp đồng 5300LAV201003264/HĐTD, ngày 04/5/2010 và buộc Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam, chi nhánh huyện Đắk Nông, phòng giao dịch Đ trả lại các tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số

số 415; 18; 10a; 348; 542a; 543; 56; 75 thuộc tờ bản đồ số 02, 05, 12 và 24, cho hộ ông N là phù hợp .

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của ngân hàng có ý kiến về việc đề nghị Tòa án thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, ngân hàng không có yêu cầu phản tố về việc yêu cầu thanh toán nợ, đồng thời hộ gia đình ông N đồng ý trả cho ngân hàng số tiền gốc còn lại là 1.100.000đ và khoảng 250.000.000đ tiền lãi những bên ngân hàng từ chối không nhận. Do đó không có căn cứ để giải quyết, bên ngân hàng được quyền khởi kiện yêu cầu trả lại số tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

Đối với Trung tâm bán đấu giá K và bà Ngô Thị Hồng A, ông Nguyễn Văn T (đã chết vào ngày 30/3/2016) có ký hợp đồng bán đấu giá tài sản thế chấp đối với một phần thửa đất số 543. Công ty TNHH Đấu giá K xác định việc bán đấu giá chưa thành công, Ngân hàng vẫn là người nắm giữ tài sản. Do Công ty TNHH Đấu giá K và bà Ngô Thị Hồng A không có đơn yêu cầu giải quyết về hợp đồng bán đấu giá nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các bên liên quan có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác khi có căn cứ cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm.

Về án phí: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử nghĩ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 33, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 109, điểm b khoản 1 Điều 122, Điều 128 và Điều 135, Điều 137 Bộ luật dân sự 2005; Điều 113 Luật đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 146 Nghị định số 181/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành luật đất đai năm 2003.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Bùi Hoàng A về việc hủy hợp đồng thế chấp tài sản và xử.

1. Hủy Hợp đồng hợp đồng thế chấp tài sản số 240261032/TC ngày 24/4/2009 và phụ hợp đồng thế chấp số 5300LAV201003264/HĐTD ngày 04/5/2010 đối với các thửa đất số 415; 18; 10a; 348; 542a; 543; 56; 75 thuộc tờ bản đồ số 02, 05, 12 và 24, diện tích 16360m², tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0497188 do Ủy ban nhân dân huyện Đăk Mil cấp ngày 19/10/1194 giữa Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam, chi nhánh tỉnh Đăk Nông, phòng giao dịch Đ với ông Bùi Xuân N, bà Ngô Thị Lệ N tại Ủy ban nhân dân xã Đ do bị vô hiệu.

2. Buộc Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam, chi nhánh tỉnh Đăk Nông, phòng giao dịch Đ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0497188 đối với các thửa đất số số 415; 18; 10a; 348; 542a; 543; 56; 75 thuộc tờ bản đồ số 02, 05, 12 và 24, do

Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil cấp ngày 19/10/1994 mang tên hộ Bùi Xuân N cho hộ ông Bùi Xuân N và làm thủ tục xóa thế chấp theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam, chi nhánh tỉnh Đắk Nông, phòng giao dịch Đ phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh Bùi Hoàng A 200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000829 ngày 10/12/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, người được ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKS ND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THA DS huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVÀ, VP

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

TRẦN ĐÌNH MINH